

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 12-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Chuẩn

Bà Nông Thị Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Biển, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Tạ Việt H**, tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 16/10/1983 tại **huyện T, tỉnh Cao Bằng**. Nơi cư trú: **Tổ G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng**. Nghề nghiệp: Cán bộ Văn phòng Hội đồng nhân dân-**Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng**. Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: Đảng viên Đ1. Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 103 ngày 16/8/2023 của **Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Tạ Quang S**, sinh năm 1953; Con bà: **Hoàng Thị N**, sinh năm 1958, trú tại: **Tổ G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng**. Vợ: **Nông Thị H1**, sinh năm 1981, trú tại: **Tổ G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng**. Con: 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em ruột: có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án: không; Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/7/2023 đến nay tại trại tạm giam **Công an tỉnh C**. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn T**, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 25/7/1985 tại **huyện Q, tỉnh Cao Bằng**; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **xóm H, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Chỗ ở hiện tại: **phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**; Nghề nghiệp: Cán bộ **Văn phòng Đ2** chi nhánh huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: Đảng viên Đ1. Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 71 ngày 28/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Công T1, đã chết; Con bà: Đàm Thị Đ, đã chết. Vợ: Bé Thị T2, sinh năm 1988; Con: 02 con, đều sinh năm 2016. Anh chị em ruột: có 07 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến ngày 13/9/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, được thay thế biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Ông Nông Văn D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt)

* Người làm chứng:

- Đinh Hương G – sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà C, đường B, phường V, quận B, Hà Nội (vắng mặt).

- Lý Thị Í – sinh năm 1969

Địa chỉ: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

- Hoàng Thị Thanh N1 – sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lý Thị Í1 (sinh năm 1969, địa chỉ: phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) kết hôn với ông Lương Cương G1 vào năm 1999. Hai vợ chồng không có con chung, con nuôi, con riêng. Ngày 10/10/1999, ông Lương Văn S1 (bố chồng bà Í1) viết di chúc để lại cho ông G1 thừa kế 02 (hai) thửa đất tại tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Năm 2006, ông G1 chết. Tháng 4/2007 bà Í1 mang di chúc đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho 02 thửa đất trên. Ngày 20/6/2008, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T đã cấp GCNQSDĐ số phát hành AK119510 cho thửa đất số 29, tờ bản đồ số 41, diện tích 600,2m² và GCNQSDĐ số phát hành AK119511 cho thửa đất số 48, tờ bản đồ số 40, diện tích 360,7m² đứng tên “Lý Thị Í”. Năm 2008, bà Í1 kết hôn lần hai và chuyển đến sinh sống tại phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2019, bà Í1 giao 02 (hai) GCNQSDĐ trên cho ông Lương Công V (em trai ông Lương Cương G1) bảo quản.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Lương Xuân H2 (sinh năm 1994, địa chỉ: tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng), là con trai ông V gặp khó khăn trong làm ăn, buôn bán, biết gia đình đang quản lý 02 (hai) GCNQSDĐ của bà Í1 nên khoảng tháng 8/2021, H2 đến gặp bà Í1 hỏi mượn 02

(hai) GCNQSDĐ trên đi thế chấp ngân hàng để vay tiền, bà **Í1** đồng ý và cho **H2** thông tin cá nhân (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu). Sau đó, **H2** đã hỏi nhiều nơi về thủ tục vay ngân hàng nhưng không thực hiện được. Vì đang cần tiền nên **H2** liên hệ với **Đình Hương G** (sinh năm 1992; địa chỉ **số nhà C, đường B, phường V, quận B, thành phố Hà Nội**), khi đó đang điều trị Covid-19 tại **tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng** để trao đổi mua bán 02 (hai) thửa đất trên. **G** đã nhờ **Tạ Việt H** (Cán bộ công tác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo thủ tục hành chính thuộc **Văn phòng Hội đồng nhân dân - UBND huyện T**) kiểm tra giúp thông tin của 02 (hai) thửa đất này. Sau khi biết thửa đất số 48 vào quy hoạch của **thị trấn T**, còn thửa đất số 29 sắp tới có con đường đi qua thì **G** đồng ý mua với **H2** thửa đất số 29 với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). **G** có nhờ **Tạ Việt H** làm giúp các giấy tờ, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hứa sau khi làm xong sẽ cảm ơn. **H** đồng ý.

Sau khi soạn thảo xong Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 29 và số 48, **H** đã gửi qua Zalo cho **G** xem. Kiểm tra xong, **G** thông tin lại cho **H** là chỉ mua bán với **H2** thửa đất số 29, còn thửa đất số 48 **G** không mua nên **H** đã xóa thông tin về thửa đất số 48, diện tích 360,7m², số GCNQSDĐ AK119511, H01907 trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa xóa thông tin về thửa đất số 48 trong Hợp đồng ủy quyền. Khi kiểm tra thông tin trên GCNQSDĐ, **H** phát hiện tên "**Lý Thị I**" trên 02 (hai) GCNQSDĐ không trùng khớp với tên "**Lý Thị Í1**" trên Căn cước công dân. **H** biết để thực hiện được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 29 thì phải thực hiện thủ tục đính chính tên của bà **Í1** trên GCNQSDĐ số AK119510 nên ngày 27/9/2021, **H** đã làm 01 bộ hồ sơ đính chính nội dung trên GCNQSDĐ. Trong bộ hồ sơ này, **H** đã làm giả 02 loại giấy tờ gồm: 01 (một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 27/9/2021 và 01 (một) Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 27/9/2021, theo đó, **H** tự đã tự ý viết chữ "ích" dưới chữ "Người viết đơn" trong Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 27/9/2021 và tự viết chữ "ích" dưới chữ "Người đề nghị" trong Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 27/9/2021. Sau đó, **H** tự mình tiếp nhận và Scan bộ hồ sơ đính chính trên lên hệ thống VNPT i-Gate (hệ thống một cửa điện tử tỉnh Cao Bằng), rồi chuyển bản mềm và chuyển bộ hồ sơ đính chính cho **Văn phòng Đ2** (viết tắt là VPĐKĐĐ) **chi nhánh huyện T** để đính chính lại tên của bà **Lý Thị Í1** trên GCNQSDĐ số AK119510. Tiếp đó, **H** liên hệ với **G** để **G** thông tin cho các bên liên quan đến bộ phận một cửa **UBND huyện T**.

Sáng ngày 28/9/2021, khi thấy **H2** và bà **Í1** đến Bộ phận một cửa, **H** đưa cho **H2** 03 (ba) bản Hợp đồng ủy quyền để **H2** và bà **Ích k**. Sau khi ký xong **H2** và bà **Í1** ra về, **H** liên lạc với **G** đến nhận 03 (ba) bản Hợp đồng ủy quyền, 05 (năm) bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các giấy tờ của các bên liên quan đến **UBND thị trấn T** làm thủ tục chuyển nhượng. Sau khi đưa bà **Í1** về nhà tại **Q**, **H2** quay lại **Trùng K** gặp **G** rồi cùng **G** đến **UBND thị trấn T** ký vào các bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có **Hoàng Ánh T3** (cán bộ Tư pháp hộ tịch **UBND thị trấn T**) chứng kiến. Sau đó, **G** đưa cho **T3** bộ

hồ sơ chuyển nhượng, T3 kiểm tra thấy có 03 (ba) bản Hợp đồng ủy quyền có chữ ký của bà Í1 và H2 nhưng không có sự chứng kiến của T3 nên đã gọi điện thoại cho Tạ Việt H để hỏi, thì H cho biết bà Í1 và H2 đã ký tại Bộ phận một cửa có sự chứng kiến của H. Do tin tưởng H nên T3 đã ký vào các trang của 03 (Ba) bản Hợp đồng ủy quyền và trình ông Hoàng Văn S2 là Phó Chủ tịch UBND thị trấn T ký. Sau đó, T3 thực hiện chứng thực và đưa lại cho G. G đã đến gặp H và đưa 01 bản Hợp đồng ủy quyền, 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các loại giấy tờ liên quan cho H.

Đến ngày 18/10/2021, H nhận được GCNQSDĐ số AK119510 của thửa đất số 29, trên GCNQSDĐ tên bà Í1 đã được đính chính lại. H tiếp tục làm 01 (một) bộ hồ sơ để đính chính tên của bà Í1 trên GCNQSDĐ số AK119511, thửa đất số 48. Trong bộ hồ sơ này, H đã làm giả 02 loại giấy tờ gồm: 01 (một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 18/10/2021 và 01 (một) Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 19/10/2021, theo đó, H tự đã tự ý viết chữ “ích” và chữ “Lý Thị Í1” dưới chữ “Người viết đơn” trong Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 18/10/2021 và tự viết chữ “ích” và “Lý Thị Í1” dưới chữ “Người đề nghị” trong Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 19/10/2021.

Khoảng hơn 12 giờ ngày 19/10/2021, H scan bộ hồ sơ chuyển nhượng của Đinh Hương G trên hệ thống VNPT i-Gate (bản gốc) và chuyển tiếp trên hệ thống cho VPĐKĐĐ chi nhánh huyện T. Sau đó, H phát hiện mình chưa xóa thông tin về thửa đất số 48 trong bản Hợp đồng ủy quyền nên đã sao chép trang 01 của bản Hợp đồng ủy quyền (đã scan trên hệ thống VNPT i-Gate) có một phần hình dấu con dấu của UBND thị trấn T sang F, rồi chỉnh sửa xóa chữ số AK119511, H01907 và in màu ra bản khác, tiếp đó H tô lại chữ ký của bà Lý Thị Í1, Lương Xuân H2 và Hoàng Ánh T3, rồi thay bản đã chỉnh sửa vào trang 01 của bản Hợp đồng ủy quyền (bản gốc). Tiếp theo, H scan bộ hồ sơ đính chính của thửa đất số 48 (đã được H chuẩn bị ngày 18/10/2021) trên hệ thống VNPT i-Gate và chuyển tiếp trên hệ thống cho VPĐKĐĐ. Còn hồ sơ giấy, để tránh bị phát hiện, H đã cho cả 02 (hai) bộ hồ sơ (gồm hồ sơ đính chính nội dung trên GCNQSDĐ số AK119511, thửa đất số 48 và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 29) vào trong 01 túi hồ sơ và chuyển cho VPĐKĐĐ chi nhánh huyện T.

Ngày 20/10/2021, Hoàng Thị Thanh N1 (Phó Giám đốc VPĐKĐĐ chi nhánh huyện T) kiểm tra hồ sơ liên quan đến Lý Thị Í1, phát hiện trong túi hồ sơ có 02 (hai) bộ hồ sơ nên N1 đã liên lạc với H thì H cho biết bà Í1 thực hiện hai thủ tục: đính chính và chuyển nhượng. Theo quy định là phải thực hiện đính chính trước nên N1 đã tạm dừng bộ hồ sơ chuyển nhượng trên hệ thống VNPT I-Gate và bàn giao hồ sơ cho Nông Văn T (Cán bộ VPĐKĐĐ chi nhánh huyện T, được phân công phụ trách địa bàn thị trấn T) kiểm tra, thẩm định và giải quyết hồ sơ theo quy định. Ngày 09/11/2021, N1 hỏi T về tiến độ giải quyết bộ hồ sơ đính chính tên trên GCNQSDĐ của bà Lý Thị Í1, thì thấy đã quá hạn giải quyết 10 ngày, thấy T xử lý hồ sơ chậm nên N1 giúp T soạn Biên bản kết luận

về nội dung và nguyên nhân sai sót ngày 09/11/2021 và đưa cho T để T cho bà ÍI ký. Tuy nhiên, để giải quyết nhanh hồ sơ T đã không liên lạc với bà ÍI đến VPĐKĐĐ để kiểm tra nội dung và ký vào biên bản mà tự ý ghi chữ “Ích” vào mục “Chủ sử dụng đất” rồi trình N1 xác nhận. Sau đó, T chuyển bộ hồ sơ đính chính đến Phòng Tài Nguyên và Môi trường UBND huyện T để thực hiện thủ tục đính chính tên bà ÍI trên GCNQSDĐ số AK119511. Đến ngày 25/11/2021, Phòng Tài Nguyên và Môi trường đính chính xong GCNQSDĐ số AK119511 và chuyển đến Bộ phận một cửa UBND huyện T. Sau đó, Tạ Việt H tiếp nhận và giao lại GCNQSDĐ AK119511, thửa đất số 48 cho Lương Xuân H2.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với các tài liệu đã thu thập được. Tại Kết luận giám định số 106 ngày 20/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận: *Phần hình dấu có nội dung “.....TRẦN TRÙNG...” đóng giáp lai tại trang 01 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số. Phần hình dấu tròn đóng giáp lai trên trang 01 với 03 (ba) phần hình dấu tròn đóng giáp lai từ trang 02 đến trang 04 của tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

Tại Kết luận giám định số 107 ngày 22/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận: *Chữ ký bên dưới, phía lề trái tại trang 1 trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ ký của bà Lý Thị ÍI trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký ra.*

Tại Kết luận giám định số 108 ngày 20/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận: *Chữ ký “Không đứng tên” trang số 01 (một) lề dưới bên phải ngang dòng chữ “...Đất trồng cây lâu năm khác” trên tài liệu nội dung “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN; BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A), Bà: LÝ THỊ ÍCH, ngày tháng năm sinh 01/10/1969; Thẻ căn cước công dân số: 004169000310. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BÊN B), Ông: LUONG XUAN HIỆP, ngày tháng năm sinh: 06/12/1994; Giấy chứng minh nhân dân số: 085068256” cần giám định với các chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.*

Tại Kết luận giám định số 109 ngày 22/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận: *Chữ ký không đứng tên ai bên dưới cùng lề phải tại trang 01 trên tài liệu “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN”, dưới mục “CĂN CỨ ỦY QUYỀN” có nội dung “Phát hành AK119510 số vào...”. Bên ủy quyền (Bên A) mang tên Lý Thị ÍI sinh ngày 01/10/1969, bên được ủy quyền (bên B) mang tên Lương Xuân H2 sinh ngày 06/12/1994 cần giám định so với chữ ký của bà Hoàng Ánh T3 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.*

Tại Kết luận giám định số 384 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh C, kết luận:

Chữ viết nội dung “Lý Thị ÍI” dưới mục “Người viết đơn” trên tài liệu “ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” đề ngày 18/10/2021 cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

Chữ viết nội dung “**Lý Thị Ít**” dưới mục người đề nghị trang số 03, trên tài liệu “Đơn đề nghị đính chính nội dung trên giấy chứng nhận QSDĐ” đề ngày 19/10/2021 cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 385 ngày 28/7/2023 của **Phòng K1 CA tỉnh C** kết luận: Chữ ký mang tên **Lý Thị Ít** dưới mục “Chủ sử dụng đất” trên “Biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót” đề ngày 09/11/2021 có hình dấu nội dung “**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI CHI NHÁNH TRUNG KHÁNH; PHÓ GIÁM ĐỐC**” xác nhận cần giám định so với chữ ký có nội dung “ích; **Lý Thị Ít**” trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Hành vi của bị cáo **Tạ Việt H** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 và tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359; bị cáo **Nông Văn T** bị đề nghị truy tố về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSCB-P1 ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo **Tạ Việt H** về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức* quy định tại khoản 1 Điều 341 và tội *Giả mạo trong công tác* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359; bị cáo **Nông Văn T** bị đề nghị truy tố về tội *Giả mạo trong công tác* quy định tại khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Quyết định rút truy tố 01/QĐ-VKSCB-P1 ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã rút truy tố tội *Giả mạo trong công tác* đối với bị cáo **Tạ Việt H**. Truy tố bị cáo về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Tạ Việt H** về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo **Nông Văn T** bị đề nghị truy tố về tội *Giả mạo trong công tác* quy định tại khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Tạ Việt H** phạm tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*.

Bị cáo phạm tội **Nông Văn T** phạm tội *Giả mạo trong công tác*.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Tạ Việt H**;

Áp dụng khoản 1 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nông Văn T**.

Xử phạt:

Bị cáo **Tạ Việt H** từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Bị cáo **Nông Văn T** từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị trả lại điện thoại cho các bị cáo.

Về án phí: Bị cáo **Tạ Việt H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo **Nông Văn T** được miễn án phí do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

*Người bào chữa cho bị cáo **Nông Văn T** trình bày:* Nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và nhất trí nội dung luận tội của đại diện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, cách thức tiến hành

làm giả các tài liệu, giấy tờ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Trong thời gian công tác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện T, để làm nhanh thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Đinh Hương G và Lương Xuân H2, Tạ Việt H đã làm giả con dấu của Ủy ban nhân dân thị trấn T, giả mạo chữ ký của cán bộ tư pháp Hoàng Ánh T3 trên trang 01 Hợp đồng ủy quyền giữa bà Lý Thị Í1 và Lương Xuân H2; làm giả 01 (một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 27/9/2021 và 01 (một) Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 27/9/2021 trong hồ sơ đính chính tên của bà Í1 trên GCNQSDĐ số AK119510, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 41. Làm giả 01 (một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 18/10/2021; 01 (một) Đơn đề nghị đính chính nội dung trên GCNQSDĐ ngày 19/10/2021 trong hồ sơ đính chính tên của bà Í1 trên GCNQSDĐ số AK119511, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 40.

Nông Văn T là cán bộ Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện Q, trong thời gian biệt phái tới công tác tại Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện T, được giao phụ trách địa bàn thị trấn T. Ngày 20/10/2021, T được phân công thẩm định hồ sơ đính chính nội dung trên GCNQSDĐ số AK119511 và hồ sơ chuyển nhượng GCNQSDĐ số AK119510 tên bà Lý Thị Ích. Để giải quyết nhanh hồ sơ đính chính tên bà Í1 trên GCNQSDĐ số AK119511, thửa đất số 48, T đã không liên lạc với bà Í1 đến VPĐKĐĐ huyện T để kiểm tra nội dung và ký xác nhận vào Biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót ngày 09/11/2021 mà tự ý giả mạo chữ ký của bà Lý Thị Í1 trên Biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót ngày 09/11/2021.

Bị cáo Tạ Việt H và bị cáo Nông Văn T là người có chức vụ, quyền hạn công tác tại cơ quan nhà nước, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo đã thực hiện các hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu, không đúng thực tế là hồ sơ cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan bà Lý Thị Ích.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra.

Hành vi của bị cáo Tạ Việt H có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, hành vi của bị cáo Nông Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Giả mạo trong công tác”. Việc Viện kiểm sát nhân tỉnh Cao Bằng rút quyết định truy tố đối với bị cáo Tạ Việt H với tội Giả mạo trong công tác và truy tố bị cáo đối với tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là phù hợp quy định pháp luật và đúng với hành vi của bị cáo.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc đưa các bị cáo ra

truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong quá trình công tác, bị cáo **Tạ Việt H** được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C tặng Bằng khen năm 2020 và nhiều năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; Bố của bị cáo **Tạ Việt H** là ông **Tạ Quang S** được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. 554 Do vậy, bị cáo **Tạ Việt H** được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **Nông Văn T** hằng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, bố của bị cáo **Nông Văn T** là ông **Nông Công T1** được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ là bà **Đàm Thị Đ** được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo **Nông Văn T** được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo đều thực hiện các hành vi riêng biệt, không có đồng phạm, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra.

[4]. Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo **Tạ Việt H** có ba tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Nông Văn T** có hai tình tiết giảm nhẹ trong đó có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51; các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để các bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo **Nông Văn T** là có căn cứ chấp nhận; còn đề nghị hình phạt đối với bị cáo **Tạ Việt H** là nhẹ so với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định mức hình phạt tương xứng.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 359 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.* Và tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Xét thấy cần trả lại điện thoại cho các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với **Lương Xuân H2**, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015. Quá trình thi hành lệnh bắt, **Lương Xuân H2** không có mặt tại địa phương. Ngày 04/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** đã ra Quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến hành vi phạm tội của **H2** để điều tra và xử lý riêng.

Đối với **Hoàng Thị Thanh N1**, thực hiện việc trả lại GCNQSDĐ thửa số 29 cho bà **Lý Thị Í1** chưa đúng quy trình. Thời hạn xem xét giải quyết hồ sơ đăng ký biến động của bà **Í1** đã quá thời hạn nhưng VPĐKĐĐ **chi nhánh huyện T** không ban hành văn bản xin lỗi và văn bản hướng dẫn bà **Í1** đề nghị bổ sung hồ sơ. Hành vi của **N1** đã vi phạm khoản 4, khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Những sai phạm của **Hoàng Thị Thanh N1** đã bị **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C** xử lý kỷ luật bằng hình thức Cảnh cáo theo Quyết định số 334/QĐ-STNMT ngày 26/10/2022.

Đối với **Hoàng Ánh T3**, thực hiện chứng thực Hợp đồng ủy quyền không có mặt của bà **Lý Thị Í1** và **Lương Xuân H2** là chưa đúng thủ tục chứng thực hợp đồng qui định tại Điều 36 Nghị định số 23/2015 ngày 16/02/2015. Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi **UBND huyện T** chỉ đạo **UBND thị trấn T** hủy giá trị pháp lý lời chứng thực chữ ký trong Hợp đồng ủy quyền và xử lý trách nhiệm của các cá nhân có liên quan.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Bị cáo **Tạ Việt H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo **Nông Văn T** được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Tạ Việt H** phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Bị cáo **Nông Văn T** phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Tạ Việt H** 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn T** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nông Văn T** 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo **Tạ Việt H** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số seri: FCCCPQLBHFY7, lắp sim số 0914.244.575, máy đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt vỡ đã cũ của **Tạ Việt H**.

- Trả lại cho bị cáo **Nông Văn T** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, số Imei: 866891056348266, máy cũ đã qua sử dụng, lắp sim: 0966680623 của **Nông Văn T**.

Xác nhận các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản số 56 ngày 02/02/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Tạ Việt H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Nông Văn T** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CAT;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Bị cáo; NBC;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Na